



CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

AGRISECO MACRO VIEW

Ngày 09 tháng 04 năm 2024

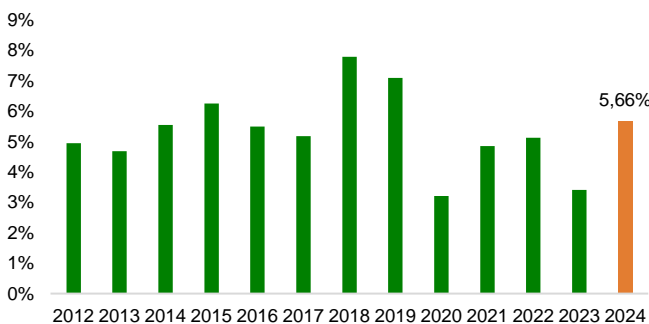
CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ QUÝ I NĂM 2024

Tăng trưởng Quý I cao nhất từ năm 2020

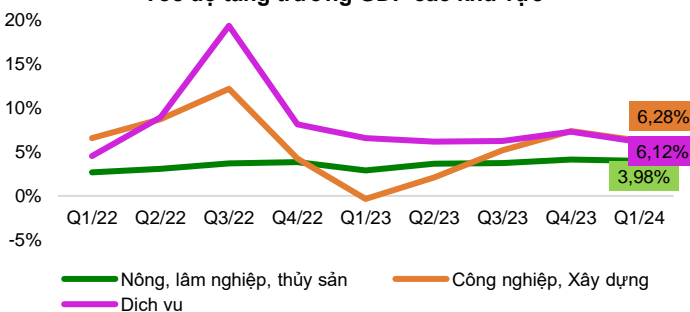
Ngày 29/3/2024, Tổng cục Thống kê đã công bố số liệu vĩ mô Quý I năm 2024 với nhiều điểm nhấn đáng chú ý. AgriseCO Research kính gửi các anh/chị nội dung chính như sau:

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)

Tốc độ tăng GDP Quý I svck qua các năm (%)



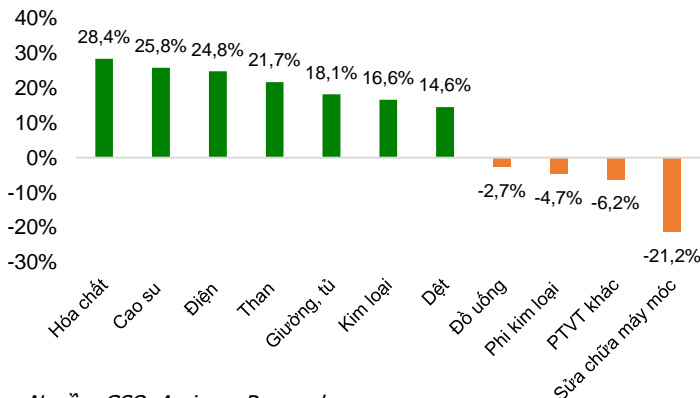
Tốc độ tăng trưởng GDP các khu vực



Nguồn: GSO, AgriseCO Research

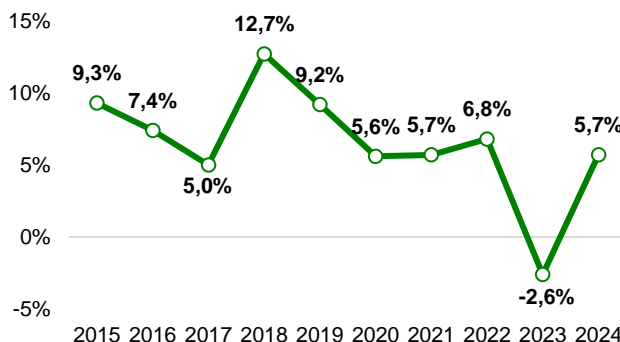
Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
GDP Quý I.2024	<ul style="list-style-type: none">Quý I: Tăng 5,66% svck	Tăng trưởng GDP cao nhất cùng kỳ từ 2020 đến nay chủ yếu nhờ (1) Lĩnh vực Công nghiệp – Xây dựng, sản xuất công nghiệp hồi phục từ mức tăng trưởng âm cùng kỳ năm 2023; (2) Lĩnh vực Dịch vụ duy trì đà tăng trưởng trên 6%, trong đó hoạt động lưu trú, ăn uống, dịch vụ du lịch, lữ hành tăng mạnh nhờ giải pháp kích cầu thương mại, du lịch.
Chỉ số sản xuất toàn công nghiệp (IIP)	<ul style="list-style-type: none">Tháng 3: Tăng 4,1% svckQuý I: Tăng 5,7% svck (cùng kỳ giảm 2,9%)	Tình hình sản xuất công nghiệp có các tín hiệu tích cực: (1) Ngành công nghiệp chế biến chế tạo phục hồi. Một số nhóm ngành công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng hai con số: hóa chất; cao su; giường, tủ, bàn, ghế; thiết bị điện; dệt; (2) Tồn kho sản phẩm công nghiệp giảm khi chỉ số tiêu thụ cao hơn sản xuất; (3) Số lao động làm việc tại DN FDI, tư nhân tại các tỉnh thành phố cấp 2 có cơ sở hạ tầng phát triển tốt như Quảng Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ đều tăng so với tháng trước và cùng kỳ. Tuy nhiên, tình hình sản xuất vẫn chưa hoàn toàn hồi phục về mức trước dịch Covid thể hiện qua chỉ số IIP tăng thấp nhất 10 năm qua, chỉ cao hơn mức âm của Q1.2023.

Một số ngành có tốc độ tăng/giảm IIP quý I/2024 cao nhất và thấp nhất (%)



Nguồn: GSO, AgriseCO Research

Tốc độ tăng chỉ số IIP Quý I so với cùng kỳ năm trước giai đoạn 2015 – 2024 (%)



Nguồn: GSO, AgriseCO Research



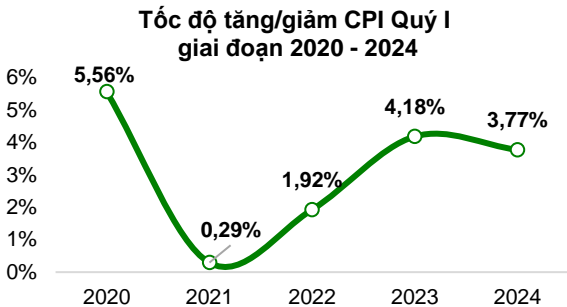
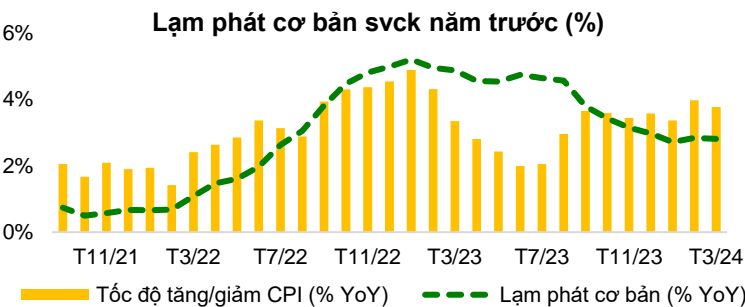
CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

AGRISECO MACRO VIEW

Ngày 09 tháng 04 năm 2024

2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và lạm phát

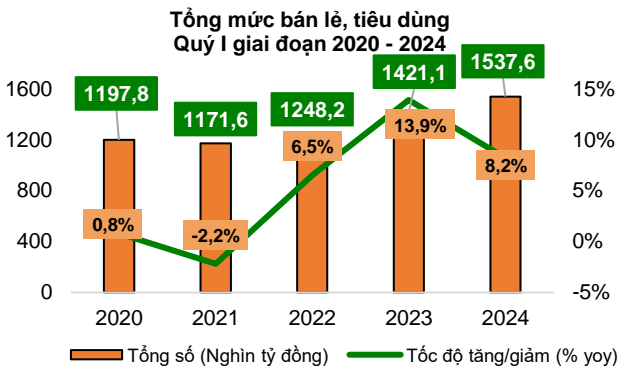
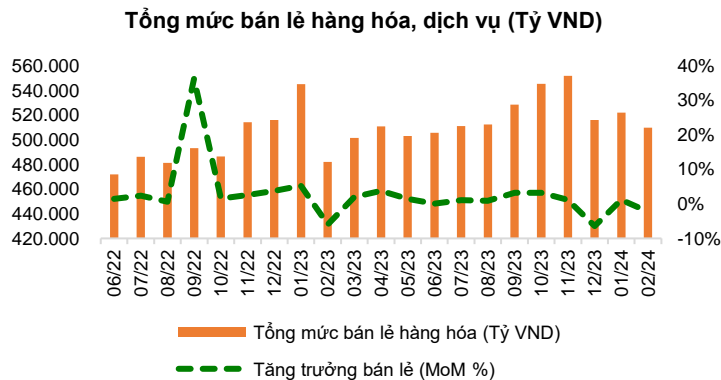
Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
CPI tháng 3.2024	<ul style="list-style-type: none">Giảm 0,23% so với tháng 2.2024Tăng 3,97% svck 2023	Chỉ số giá tiêu dùng giảm khi giá cả hàng hóa và dịch vụ thiết yếu giảm trong đó giá gạo, giá thịt lợn giảm do nhu cầu giảm sau dịp Tết nguyên đán. Ngược lại, một số nhóm thuốc, y tế, điện nước tăng theo điều chỉnh.
CPI bình quân Quý I.2024	<ul style="list-style-type: none">Tăng 3,77% so với tháng svck 2022Lạm phát cơ bản tăng 2,81%	Lạm phát giảm sau giai đoạn Tết nguyên đán. Nhìn chung, lạm phát vẫn đang được kiểm soát tốt tuy nhiên cũng một phần do sức cầu nền kinh tế giảm thấp. Trong thời gian tới, các yếu tố có thể làm tăng lạm phát từ phía cung như (1) Tác động của xung đột, khí hậu khiến gián đoạn chuỗi cung ứng, giá cả hàng hóa tăng; (2) Giá cả trong nước: điện, nước, y tế, giáo dục đều điều chỉnh tăng.



3. Bán lẻ & Tiêu dùng

Nguồn: GSO, Agriseco Research

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Bán lẻ hàng hóa, dịch vụ Tháng 3.2024	<ul style="list-style-type: none">Ước đạt: 509,3 tỷ đồngTăng 0,5% so với tháng 2.2024Tăng 9,2% svck 2023	Tổng doanh thu bán lẻ, tiêu dùng tăng nhẹ khi nhu cầu tiêu dùng trở lại bình thường sau Tết. Điểm sáng là khách quốc tế đến Việt Nam đạt 1,6 triệu lượt tăng 4,4% so với mức 1,53 triệu khách tháng 2 và tăng 79% svck nhờ khách Trung Quốc hồi phục mạnh, tăng gấp 5 lần svck.
Bán lẻ hàng hóa, dịch vụ Quý I.2024	<ul style="list-style-type: none">Ước đạt: 1.537,2 tỷ đồngTăng 8,2% svck 2023	Quy mô bán lẻ tiêu dùng Quý I tiếp tục cao hơn bình quân 2020-2024 do nhu cầu tiêu dùng hàng hóa thiết yếu, thiết bị gia đình duy trì tăng ổn định và dịch vụ lữ hành, lưu trú, ăn uống tăng cao. Lượng du khách quốc tế đạt 4,6 triệu khách đã vượt mức trước đại dịch Covid – 19 nhờ chính sách thị thực và kích cầu du lịch.



Nguồn: GSO, Agriseco Research

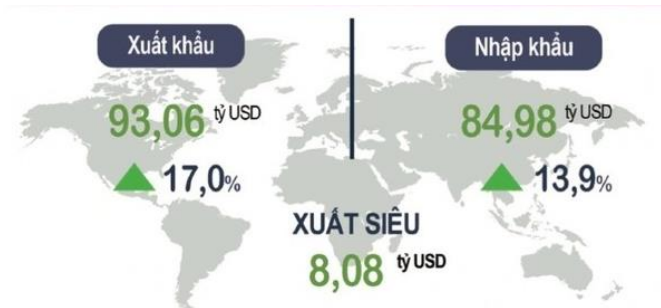
Nguồn: GSO, Agriseco Research



4. Xuất nhập khẩu

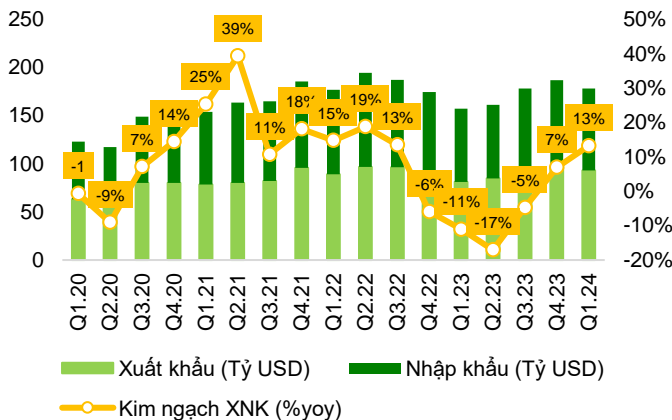
Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Xuất, nhập khẩu Tháng 3	<ul style="list-style-type: none">Tổng kim ngạch XNK: 65,09 tỷ USD, tăng 35,6% so với tháng 2 và 12% svck 2023Xuất khẩu: 34 tỷ USD (+38% svck)Nhập khẩu: 31 tỷ USD (+10% svck)So với tháng 2.2024: Xuất khẩu tăng 38% và Nhập khẩu tăng 33%.	Kim ngạch xuất, nhập khẩu đã có sự hồi phục khá tốt so với cùng kỳ 2023 và tăng mạnh trở lại sau dịp nghỉ Tết. Một số mặt hàng xuất khẩu truyền thống đã tăng trưởng cao trở lại sau đà suy giảm như <i>dệt may, gỗ, giày dép</i> . Các mặt hàng <i>xơ sợi, điện tử máy móc, gạo, hóa chất</i> duy trì đà tăng.
Xuất, nhập khẩu Quý I.2024	<ul style="list-style-type: none">Tổng kim ngạch XNK: 178,04 tỷ USD, tăng 16% svck 2023Xuất khẩu: 93 tỷ USD (+17 svck)Nhập khẩu: 85 tỷ USD (+14% svck)Xuất siêu 8,08 tỷ USD, gấp 2 lần svck	Thặng dư thương mại tăng cao gấp đôi cùng kỳ trong Quý 1. Khu vực trong nước có nhiều điểm tích cực khi kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đều duy trì tăng cao hơn khu vực FDI. Dự báo hoạt động mở rộng sản xuất của các DN có thể cải thiện thời gian tới. Nhu cầu các đối tác lớn như Mỹ, EU có dấu hiệu phục hồi trở lại nhưng chậm.

Tình hình xuất, nhập khẩu Quý I năm 2024

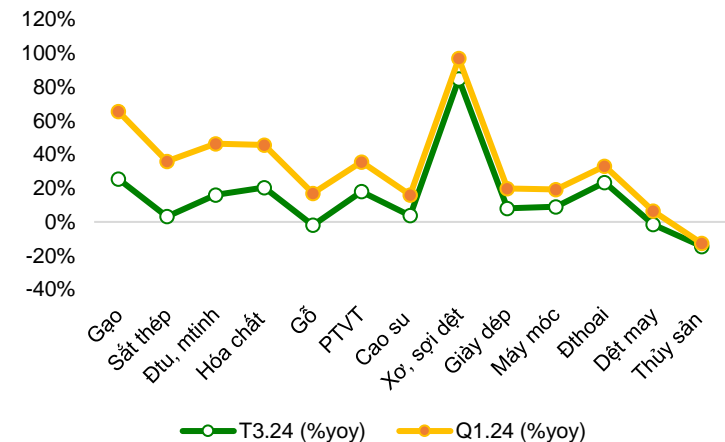


Nguồn: GSO, Agriseco Research

Tăng trưởng xuất nhập khẩu Quý I.2024

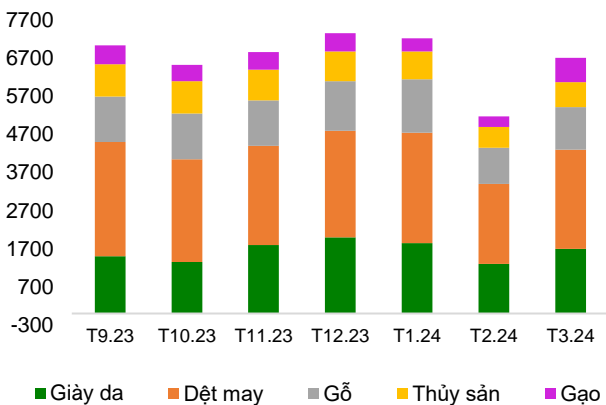


Tăng trưởng xuất khẩu một số nhóm ngành lớn tháng 3 và 3 tháng 2024 (%yoy)



Nguồn: GSO, Agriseco Research

Giá trị một số nhóm xuất khẩu lớn theo tháng (đv: Triệu USD)



Nguồn: GSO, Agriseco Research



CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

AGRISECO MACRO VIEW

Ngày 09 tháng 04 năm 2024

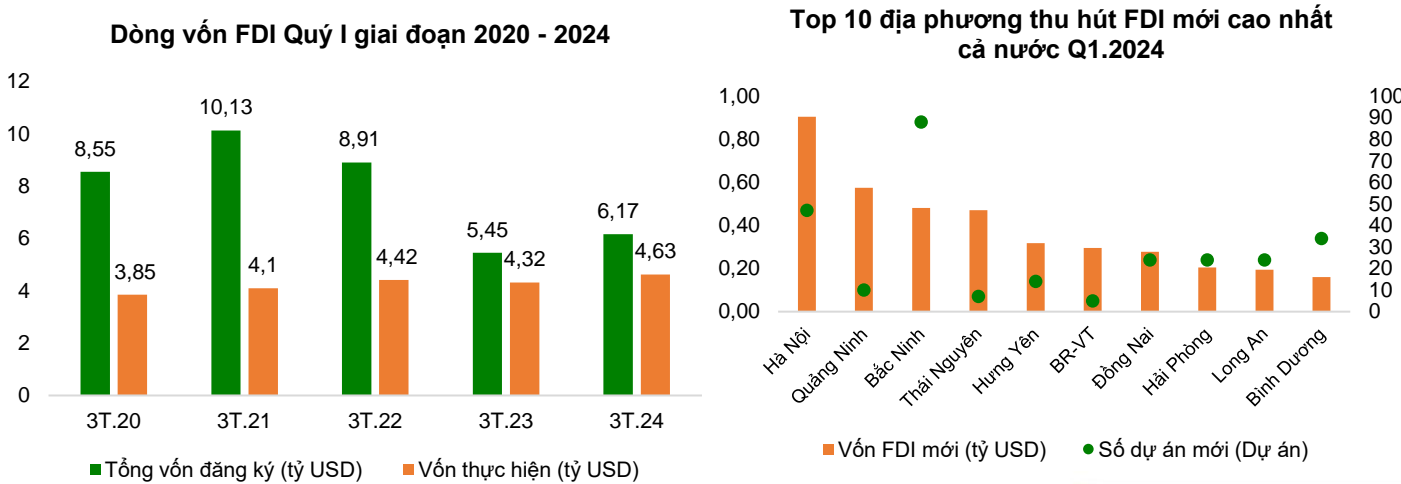
5. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam	<ul style="list-style-type: none">6,17 tỷ USDTăng 13% svck	Vốn đăng ký và số dự án FDI mới tăng mạnh lần lượt là 58% và 23% svck 2023. Vốn FDI mới tập trung ở các tỉnh/thành phố có cơ sở hạ tầng tốt và nỗ lực cải cách thủ tục hành chính như Hà Nội, Quảng Ninh, Vũng Tàu. Singapore, Trung Quốc là 2 quốc gia vốn đầu tư cao nhất. Vốn FDI mới thời gian tới dự kiến tiếp tục tích cực nhờ một số dự án chuẩn bị đầu tư như: công ty Hainan Drinda - Trung Quốc, Lam Research Mỹ, Tập đoàn Hoa Điện – Trung Quốc.
FDI giải ngân từ đầu năm	<ul style="list-style-type: none">4,63 tỷ USDTăng 7% svck	Vốn FDI thực hiện đạt mức cao nhất trong 5 năm qua khi các doanh nghiệp FDI tích cực giải ngân chủ yếu ở lĩnh vực công nghiệp chế biến; bất động sản; sản xuất phân phối điện. Dòng vốn giải ngân dự báo sẽ tiếp tục tăng khi nhiều dự án FDI lớn đã khởi công từ đầu năm như dự án Sycamore Capitaland Bình Dương, nhà máy Goodway Việt Nam tại Thái Nguyên.

Bảng: Tổng hợp các dự án FDI đăng ký vào Việt Nam Quý I năm 2024

STT	Dự án Quý I.2024	Tỉnh thành	Quốc gia	Vốn FDI (tỷ USD)	KCN	CĐT KCN
1	HyoSung TNC đầu tư nhà máy sợi carbon	Vũng Tàu	Hàn Quốc	0,8	Phú Mỹ 2	IDC
2	Capitaland đầu tư xây dựng KĐT Lumi Hanoi	Hà Nội	Singapore	0,76	KĐT Tây Mỗ	Capitaland
3	Sản xuất Silic công ty Trina Solar Cell Việt Nam	Thái Nguyên	Trung Quốc	0,454	Yên Bình	Yên Bình
4	Dự án SLP Park Lộc An Bình Sơn trong lĩnh vực logistics	Đồng Nai	Singapore	0,12	Lộc An-Bình Sơn	SIP
5	Dự án mới K-Upa Vina	Đồng Nai	Hàn Quốc	0,01	Nhon Trạch I	IDC
6	Dự án mới Freudenberg & Vilene International Việt Nam-Long Thành	Đồng Nai	Hong Kong	0,01	Lộc An-Bình Sơn	SIP
7	Sản xuất cà phê của Nestlé Việt Nam-Nhà máy Trị An mở rộng	Đồng Nai	Thụy Sĩ	0,1	Amata	SNZ - Amata
8	Sản xuất văn phòng phẩm công ty Deli Việt Nam	Hải Dương	Trung Quốc	0,27	Đại An mở rộng	CTCP Đại An
9	Sản xuất thủy tinh công ty Biel Crystal đã thuê 20ha	Hải Dương	Trung Quốc	0,26	An Phát 1	APH
10	Sản xuất tấm năng lượng mặt trời Boviet (Boway) thuê 20ha	Hải Dương	Trung Quốc	0,12	Cộng Hòa	VRG
11	Tập đoàn Crystal dự kiến mở rộng đầu tư nhà máy thứ 6	Hải Dương	Trung Quốc	0,20	Dệt may Rạng Đông	Cát Tường Group
12	Dự án sản xuất silic quang điện Gokin Solar Hải Hà Việt Nam	Quảng Ninh	Hong Kong	0,28	Texhong Hải Hà	Vinashin
13	Dự án sản xuất vòng bi, thiết bị chuyển động của IKO Thompson	Quảng Ninh	Nhật Bản	0,06	Sông Khoai	Amata

Nguồn: Agriseco Research tổng hợp





6. Thu chi ngân sách nhà nước và Đầu tư công

a. Thu chi ngân sách nhà nước

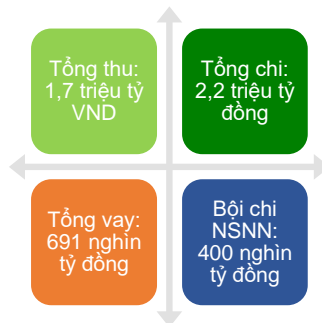
Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Cán cân ngân sách Tháng 3	<ul style="list-style-type: none">Thu: 141,8 nghìn tỷ VNDChi: 140,3 nghìn tỷ VNDThặng dư: 1,5 nghìn tỷ VND	Cán cân ngân sách thặng dư nhờ tiến độ thu thuế đạt khá cao và giảm chi thường xuyên.
Cán cân ngân sách Q1.2024	<ul style="list-style-type: none">Thu: 539,5 nghìn tỷ VND, bằng 31,7% dự toán năm, tăng 9,8% svckChi: 393,5 nghìn tỷ VND, bằng 18,6% dự toán năm, tăng 8,3% svckThặng dư: 146 nghìn tỷ VND	Cán cân ngân sách thặng dư giúp đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, và các nghĩa vụ thanh toán.

Thu, chi ngân sách Nhà nước tháng Q1.2024



Nguồn: GSO, AGR Research

Dự toán ngân sách nhà nước 2024

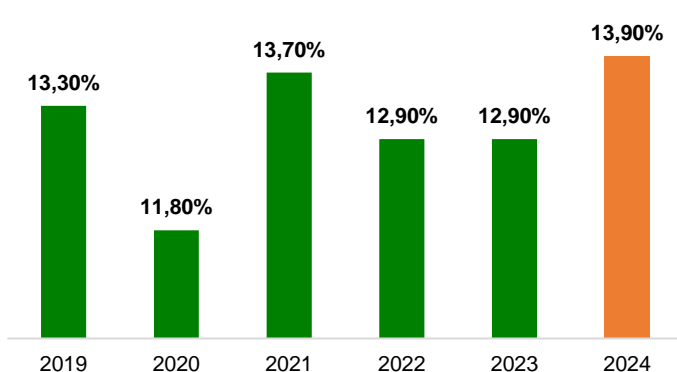


Nguồn: NQ104/2023/QH15 của Quốc hội

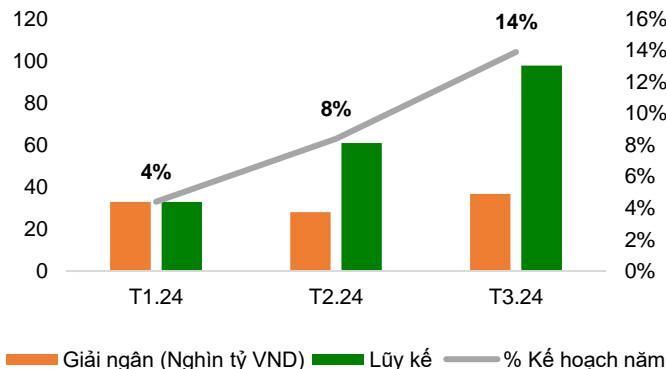
b. Đầu tư công

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Giải ngân đầu tư công	<ul style="list-style-type: none">Tháng 3: 36,7 nghìn tỷ đồngQ1.2024: 97,7 nghìn tỷ đồng, đạt 13,9% kế hoạch Thủ tướng giao, tăng 3,7% svck (Q1.2023 đạt 12,9% KH và tăng 21,6% svck)	Tốc độ giải ngân tiếp tục chuyển biến tốt hơn và mức độ hoàn thành kế hoạch Thủ tướng giao đang cao hơn so với cùng kỳ 2023.

Tỷ lệ thực hiện vốn đầu tư công so với KH Quý I các năm (%)



Giải ngân vốn đầu tư ngân sách nhà nước (Đv: nghìn tỷ VND)



Nguồn: Bộ Tài chính, GSO, AgriseCO Research



CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

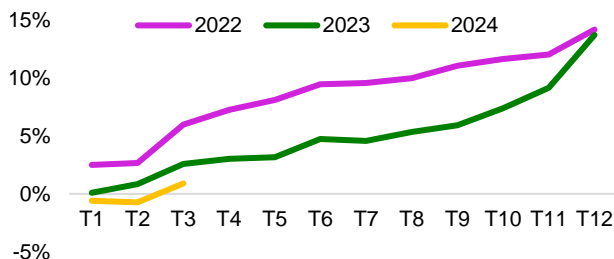
AGRISECO MACRO VIEW

Ngày 09 tháng 04 năm 2024

7. Lãi suất, tỷ giá

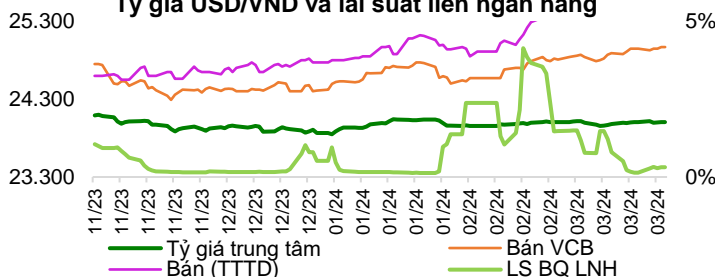
Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Tín dụng	<ul style="list-style-type: none">Đến 31/03/2024: 13,68 triệu tỷ đồng, tăng 0,9% so với cuối năm 2023, riêng tháng 3 tăng 1,62%.	Tín dụng tăng trưởng dương trở lại trong tháng 3 nhưng đây vẫn là mức thấp do cầu và sức hấp thụ vốn của nền kinh tế vẫn yếu. Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng kỳ vọng sẽ gia tăng trong năm 2024 khi kinh tế dần hồi phục và mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp. NHNN đã định hướng mức tăng trưởng tín dụng năm 2024 là 15% và giao toàn bộ chỉ tiêu cho NHTM từ đầu năm.
Tỷ giá Lãi suất LNH	<ul style="list-style-type: none">Tỷ giá tăng 2,5% so với đầu nămLãi suất LNH: 0,13%-1,49%	Tình hình tỷ giá chịu áp lực tăng trong quý đầu năm khi chênh lệch lãi suất giữa đồng VND và USD vẫn cao. Áp lực tỷ giá dự báo vẫn hiện hữu khi FED tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất cao. Lãi suất liên ngân hàng giảm từ đầu tháng 3 trong bối cảnh NHNN phát hành tín phiếu. Mặt bằng lãi suất dự báo duy trì thấp trong 2024 tuy nhiên có thể tăng trở lại trước áp lực tỷ giá và khi sức cầu nền kinh tế hồi phục.

Tăng trưởng tín dụng hàng năm



Nguồn: Fiiipro, Agirsec Research

Tỷ giá USD/VND và lãi suất liên ngân hàng

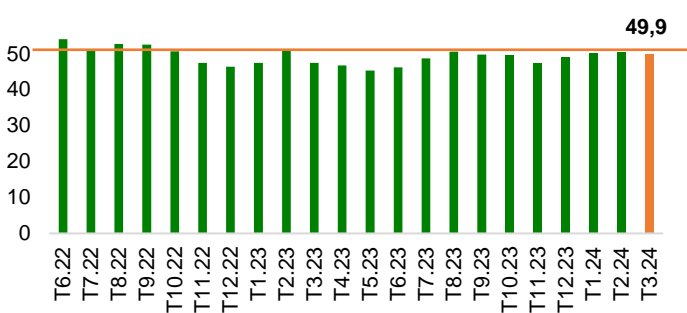


Nguồn: Fiiipro, Agirsec Research

8. Chỉ số PMI, Tình hình hoạt động doanh nghiệp

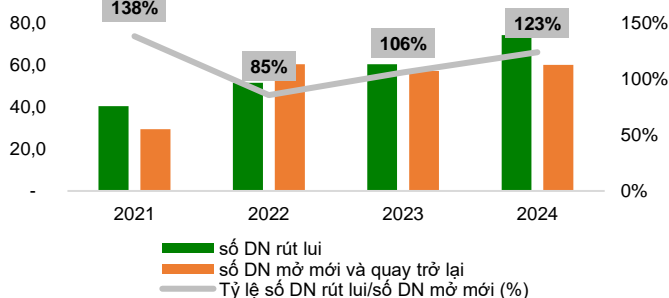
Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Chỉ số PMI tháng 3	<ul style="list-style-type: none">PMI tháng 3 đạt 49,9 điểmThấp hơn so với mức 50,4 điểm tháng 2.2024	Chỉ số PMI giảm về dưới ngưỡng 50 điểm lần đầu tiên sau 2 tháng liên tiếp chỉ số vượt ngưỡng 50 chủ yếu do nhu cầu sụt giảm dẫn đến số lượng và sản lượng đơn hàng mới giảm. Điểm tích cực là niềm tin kinh doanh và số lượng việc làm có sự cải thiện. Ngành sản xuất dự kiến sẽ hồi phục nhưng mức độ chậm do nhu cầu chưa hoàn toàn quay trở lại cùng chi phí đầu vào tăng.
Tình hình DN năm Q1.2024	<ul style="list-style-type: none">DN đăng ký mới và quay trở lại: 59,9 nghìn DN (+5,1 svck)DN rút lui: 73,9 nghìn DN (+22,8% svck)	Tỷ lệ số DN rút lui bằng 123% số DN đăng ký mới và quay trở lại. Tỷ lệ này chỉ thấp hơn mức 138% của 2021 do ảnh hưởng đại dịch Covid – 19, và nhìn chung vẫn cao hơn so với mức 85% năm 2022, và mức 106% năm 2023. Tỷ lệ trên cho thấy tình hình kinh doanh của các DN vẫn khó khăn, đặc biệt các DN nhỏ và siêu nhỏ.

Chỉ số PMI



Nguồn: GSO, IHS Markit, Agirsec Research

Tình hình hoạt động DN Q1.2024



Nguồn: GSO, Agirsec Research



KẾT LUẬN:

Đánh giá chung:

- Kinh tế vĩ mô trong nước Quý I đã có sự khởi đầu tích cực với các điểm nhấn (1) Hoạt động xuất khẩu tăng trưởng gần 20% so với cùng kỳ năm 2023 với xuất siêu duy trì mức cao; (2) Vốn FDI duy trì đà tăng trưởng hai chữ số, trong đó vốn FDI đăng ký mới tăng mạnh 58% so với cùng kỳ 2023; (3) Giải ngân đầu tư công tiếp tục tích cực; (4) Lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp.
- Với mức tăng trưởng GDP Quý 1 đạt 5,66% là đang cao hơn so với kịch bản tăng trưởng quý I từ 5,2% - 5,6% khi xây dựng kế hoạch trong Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 5/1/2024. Tuy nhiên, cần lưu ý mức tăng trưởng trên chủ yếu do Quý I.2023 là giai đoạn nền kinh tế khá ảm đạm, xuất khẩu, tiêu dùng đều sụt giảm trong môi trường lãi suất cao; trong khi đó các chỉ báo sớm thể hiện chưa thể bắt tốc trong Quý II với PMI giảm dưới 50 điểm, số doanh nghiệp giải thể, phá sản tăng cao, tín dụng tăng chậm và các rủi ro tiềm ẩn cần tiếp tục theo dõi từ tỷ giá và lạm phát.

Hàm ý đối với thị trường chứng khoán:

Thuận lợi

- Số liệu kinh tế vĩ mô tiếp tục tạo cơ sở trong việc kỳ vọng vào KQKD Quý 1 các doanh nghiệp trên sàn sẽ đạt mức tăng trưởng tốt, đặc biệt so với nền thấp cùng kỳ 2023 (cùng kỳ Q1.2023 lợi nhuận nhóm Phi tài chính giảm tới hơn 50%). Điều này sẽ tiếp nối sự phục hồi của hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp trên sàn bắt đầu từ Q3.2023 đến nay, giúp tạo ra nhiều cơ hội đầu tư cũng như giúp mặt bằng định giá thị trường trở nên hấp dẫn hơn so với mức P/E 15x lần hiện tại. Một số ngành dự báo có KQKD tăng trưởng cao như Thép, Cao su, Chứng khoán, Bán lẻ, Chăn nuôi ([tham khảo tại đây](#)).
- Môi trường lãi suất duy trì thấp sẽ giúp giảm chi phí tài chính của các doanh nghiệp. Điều này trái ngược với mặt bằng lãi suất tăng cao giai đoạn Q1.2023. Bên cạnh đó, tín dụng đã bắt đầu tăng trở lại từ tháng 3 và chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng 15% trong năm 2024 (cao hơn chỉ tiêu 2023: 14%) sẽ tạo điều kiện giúp các doanh nghiệp gia tăng quy mô, doanh thu hoạt động.
- Vốn FDI đầu tư vào Việt Nam đang tăng trưởng tích cực, đặc biệt là vốn đăng ký mới cùng số dự án mới tăng mạnh trước xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng. Điều này kỳ vọng sẽ giúp doanh nghiệp Bất động sản Khu công nghiệp hưởng lợi. Đồng thời nhóm Khu công nghiệp cũng được hưởng lợi gián tiếp từ các dự án đầu tư công đang triển khai liên quan đường xá, hạ tầng.
- Tình hình thương mại quốc tế phục hồi tích cực so với cùng kỳ năm 2023 kỳ vọng sẽ giúp các nhóm xuất khẩu phục hồi KQKD mạnh mẽ như sắt thép, cao su, hóa chất, xơ sợi, gỗ. Bên cạnh đó, các ngành liên quan như logistics, cảng biển cũng được kỳ vọng hưởng lợi từ xu hướng này.
- Lượng khách du lịch quốc tế duy trì đà tăng cao nhất từ tháng 1.2020 và trong quý đầu năm đã vượt thời điểm trước đại dịch nhờ các giải pháp kích cầu du lịch của Chính phủ, có thể tạo sự khởi sắc đối với KQKD cũng như diễn biến giá cổ phiếu của nhóm doanh nghiệp hàng không, dịch vụ.

Khó khăn:

- Khu vực sản xuất, xuất khẩu mặc dù có sự cải thiện nhưng nhìn chung vẫn đang gặp nhiều khó khăn ở một số nhóm ngành, số lượng DN rút lui khỏi thị trường tiếp tục tăng. PMI tháng 3 giảm về dưới ngưỡng 50 điểm cho thấy xu hướng phục hồi chưa vững chắc. Những yếu tố này làm giảm kỳ vọng của nhà đầu tư về sức bật hồi phục trong năm 2024.
- Tỷ giá là rủi ro cần lưu ý khi USD/VND đã vượt mốc 25.000 đồng. Thị trường có thể tiếp tục gặp áp lực bán ròng từ khối ngoại giai đoạn tới sau khi khối này đã bán ròng hơn 1 tỷ USD trong một năm qua.
- Tình hình vĩ mô quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp, FED duy trì mặt bằng lãi suất cao, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gay gắt, rủi ro an toàn chuỗi cung ứng hàng hóa và triển vọng tăng trưởng các nền kinh tế lớn Những yếu tố này sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế toàn cầu nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng.



AGRISECO MACRO VIEW

Ngày 09 tháng 04 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI



SẢN PHẨM VAY MARGIN M9

- ✓ Lãi suất margin ưu đãi **9%/năm**;
- ✓ Thời gian: 01/04 - 30/06/2024
- ✓ Áp dụng cho khách hàng có dư nợ GDKQ tại 31/03/2024.



SẢN PHẨM VAY MARGIN T+10

- ✓ Lãi suất margin ưu đãi **8,9%/năm**;
- ✓ **Miễn phí** giao dịch;
- ✓ Áp dụng cho toàn bộ khách hàng của Agriseco.



SẢN PHẨM BUYFREE

- ✓ **Miễn phí** giao dịch mua chứng khoán thứ 6 hàng tuần;
- ✓ Áp dụng trên tiểu khoản giao dịch ký quỹ;
- ✓ Thời gian: 01/04-30/06/2024.



GÓI CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI DÀNH RIÊNG CHO CBNV VÀ KH CỦA AGRIBANK

- ✓ Phí giao dịch **0,1%**;
- ✓ Lãi suất margin ưu đãi **9-10%/năm**.



Quét mã và trải nghiệm App AGR MOBI PRO ngay tại:



New!

THÔNG TIN LIÊN HỆ

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 tòa nhà Green Diamond, 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Tel: (+84 24) 6276 2666

Email: online@Agriseco.com.vn

Web: <https://Agriseco.com.vn/>

CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Tầng 3, Tower 1, Times City, 458 Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (+84 24) 3868 7217

CHI NHÁNH MIỀN NAM

179A Nguyễn Công Trứ (2A Phó Đức Chính), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tel: (+84 28) 3914 2111



CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Chăm lo gieo trồng đồng vốn của bạn

CHI NHÁNH MIỀN TRUNG

Tòa nhà Agribank, số 228 đường 2/9, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

Tel: (+84 23) 6367 1666

PGD NGUYỄN VĂN TRỖI

Số 207 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (+84 28) 3260 4396

HƠN 200 ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ TẠI CÁC CHI NHÁNH AGRIBANK TRÊN TOÀN QUỐC

KHUYẾN CÁO

Bản tin này (gồm các thông tin, ý kiến, nhận định và khuyến nghị nêu trong bản tin) được thực hiện/gửi với mong muốn cung cấp cho nhà đầu tư thêm các thông tin liên quan đến thị trường chứng khoán. Thông tin nêu trong bản tin được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy, tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo các thông tin nêu trong bản tin này là hoàn toàn chính xác và đầy đủ. Bản tin này được thực hiện/gửi bởi chuyên viên và không đại diện/nhân danh Agriseco. Agriseco không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.



CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Hotline: 1900 555 582

www.agriseco.com.vn